

TÌM HIỂU KHÁI NIỆM TỘI PHẠM ẨN

NGUYỄN TRẦN NHƯ KHUÊ*

Tội phạm ẩn đã và đang “âm thầm” gây ra thiệt hại cho cá nhân nói riêng và xã hội nói chung mà không bị phát hiện, xử lý. Sự tồn tại của tội phạm ẩn dẫn đến hệ quả mô tả không chính xác bức tranh tội phạm và nhằm lẫn trong việc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm cũng như đánh giá hiệu quả của hoạt động này. Vì thế “tội phạm ẩn” thu hút sự quan tâm, nghiên cứu của các nhà tội phạm học và các nhà hoạt động thực tiễn về phòng chống tội phạm. Bài viết nêu lên sự cần thiết nghiên cứu tội phạm ẩn, các quan điểm của các nhà khoa học về khái niệm tội phạm ẩn; từ đó tác giả đưa ra khái niệm hoàn thiện về tội phạm ẩn và ý nghĩa của nó trong Tội phạm học Việt Nam.

Từ khóa: Tội phạm ẩn, tội phạm chưa bị phát hiện, tội phạm chưa bị xử lý.

Ngày nhận bài: 20/06/2022; **Biên tập xong:** 27/06/2022; **Duyệt đăng:** 22/07/2022

Dark figure of crime have been “silently” causing damage to both individuals and society without being detected and handled. Its existence leads to the inaccurate description of crime situation, the confusion in crime prevention activities and in evaluation of this activity's effectiveness. Therefore, criminologists and practical activists on crime prevention have paid much attention and research to it. This article raises the need to study dark figure of crime, scientific views on its concept, then the author gives out a complete concept of dark figure of crime and its meaning in Vietnamese Criminology.

Keywords: Dark figure of crime, undetected crime, unsolved crime.

Tình hình tội phạm là hiện tượng xã hội tồn tại khách quan, vì vậy, việc nghiên cứu về tình hình tội phạm để tìm ra quy luật tồn tại, phát triển của nó là cần thiết để từ đó có thể tiến hành các biện pháp phòng ngừa tội phạm một cách hiệu quả.

1. Sự cần thiết nghiên cứu tội phạm ẩn

Nhận thức về tình hình tội phạm, ngoài những thuộc tính, dấu hiệu đặc trưng, các nhà nghiên cứu còn quan tâm đến sự tồn tại của tình hình hình tội phạm trên thực tế qua việc đánh giá thực trạng, cơ cấu, động thái và thiệt hại do tình hình tội phạm gây ra. Trong đó, thực trạng tình hình tội phạm là nội dung thường được tiếp cận trước tiên, phản ánh khía cạnh định lượng của tình hình tội phạm. Về mặt lý luận, thực trạng tình hình tội phạm được hiểu là “tổng số các tội phạm đã xảy ra và số lượng người thực hiện các tội phạm đó trong một khoảng thời gian nhất định và ở một địa bàn nhất định”¹. Cấu trúc của nó gồm hai bộ phận (phần) hợp thành:

+ Một là, những tội phạm đã bị phát hiện,

xử lý - trong tiếng Anh gọi là “cleared crimes” hay “solved crimes”, tiếng Việt thường được các nhà tội phạm học gọi là “tội phạm rõ” hay “tội phạm hiện”.

+ Hai là, những tội phạm đã xảy ra nhưng chưa bị phát hiện, xử lý. Theo các tài liệu khoa học, người đầu tiên đưa ra thuật ngữ để chỉ những tội phạm chưa bị phát hiện xử lý là Adolphe Quetelet, nhà thiên văn học, toán học, xã hội học người Bỉ vào năm 1830², tiếng Anh là “dark figure of crime”, theo tiếng Việt thường gọi là “tội phạm ẩn”. Ông cho rằng, nghiên cứu về thực trạng của tình hình tội phạm không chỉ dựa vào con số về tội phạm rõ mà còn phải dựa vào việc đánh giá về tội phạm ẩn, bởi số liệu tội phạm rõ chỉ phản ánh được phần nào tình hình tội phạm.

Để đánh giá thực trạng tình hình tội phạm, trước hết phải dựa vào số liệu tội phạm rõ mà đã được các cơ quan chức năng thống kê. Một số nước, điển hình là Mỹ thường xuất

¹ Lý Văn Quyền (2007), “Tình hình tội phạm”, Giáo trình tội phạm học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân, tr. 98.

* Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh, Giảng viên khoa Nhà nước pháp luật, Học viện Cán bộ thành phố Hồ Chí Minh

² Dương Tuyết Miên (2010), “Tình hình tội phạm”, Giáo trình Tội phạm học, Nxb. Giáo dục Việt Nam, tr. 83.

bản hàng năm số liệu thống kê về tội phạm do Cục thống kê tư pháp (BJS) và Cục Điều tra liên bang (FBI) thu thập. Nguồn số liệu về tội phạm rõ được lấy từ số liệu của cảnh sát hoặc của các cơ quan khác, thường có được là do tội phạm xảy ra có người chứng kiến hoặc phát hiện ra tội phạm và tội phạm đã được tường thuật, tố cáo với cảnh sát; trên cơ sở đó, cơ quan có thẩm quyền xử lý hình sự đối với tội phạm và người phạm tội đã bị phát hiện³. Báo cáo tội phạm chính thức (UCR) của Mỹ giải thích tội phạm rõ đó là trường hợp các cơ quan áp dụng pháp luật đã chính thức buộc tội một người vì tội phạm họ đã thực hiện⁴.

Tuy nhiên, không phải mọi tội phạm xảy ra đều bị phát hiện và xử lý hình sự. Thực tế, có khá nhiều tội phạm đã xảy ra nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau nên không bị phát hiện và do vậy không bị xử lý về hình sự. Theo nghiên cứu của các nhà tội phạm học tư sản, số lượng tội phạm chưa bị phát hiện còn cao hơn nhiều so với số tội phạm đã bị phát hiện, con số tội phạm phát hiện trong thống kê chỉ bằng 1/4 cho đến 1/10 con số thực tế tội phạm đã xảy ra (theo GS. TS. Tymothy Mason, số lượng tội phạm ẩn lớn hơn 06 đến 10 lần tội phạm rõ⁵). Như vậy, con số tội phạm đã bị phát hiện và bị xử lý chỉ phản ánh một phần của tổng thể những tội phạm đã xảy ra. Còn số lượng tội phạm chưa bị phát hiện, xử lý cũng cần được quan tâm. Nếu như tội phạm rõ đã bị phát hiện, xử lý, thiệt hại đã được ngăn chặn, khắc phục và người phạm tội đã bị trừng phạt, giáo dục thì tội phạm ẩn tỏ ra nguy hiểm hơn bởi các lý do:

- Tội phạm xảy ra nhưng lại không được phát hiện và xử lý, vì thế tội phạm vẫn tiếp tục gây ra thiệt hại mà chưa có biện pháp kiểm soát, ngăn chặn và khắc phục hậu quả.

- Tội phạm ẩn sẽ tạo điều kiện cho tội phạm và các tổ chức tội phạm khác hình thành và phát triển, làm cho tình hình tội phạm trở nên nghiêm trọng hơn.

- Tình trạng ẩn của tội phạm làm cho người phạm tội coi thường pháp luật và gây ra tâm lý lo sợ, mất lòng tin của nhân dân vào cơ quan bảo vệ pháp luật; đồng thời cũng gây khó khăn cho Nhà nước trong việc đưa pháp luật vào cuộc sống.

- Tội phạm ẩn làm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận thức sai về tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội phạm ẩn nói riêng. Từ đó, dự báo tội phạm không chính xác, xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa tội phạm không phù hợp.

Vì vậy, tình hình tội phạm ẩn từ lâu đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của các nhà tội phạm học trên thế giới và ở Việt Nam.

2. Một số quan điểm về khái niệm “tội phạm ẩn”

Tuy nhiên, quan niệm về tội phạm ẩn dường như vẫn chưa có sự thống nhất. Có thể nêu một số quan điểm như sau:

Quan điểm thứ nhất, “Tội phạm ẩn là những tội phạm có thực nhưng không được tường thuật với cảnh sát”⁶. Theo nghĩa Tiếng Việt, “tường thuật” có nghĩa là kể lại, thuật lại thật rõ ràng, tường tận⁷. “Những tội phạm có thực nhưng không được tường thuật với cảnh sát” được hiểu là tội phạm đã xảy ra nhưng không được báo cho cảnh sát biết. Nếu quan niệm tội phạm ẩn là những tội phạm có thực nhưng không được tường thuật (báo cáo - report) với cảnh sát thì chưa đầy đủ. Bởi lẽ, việc thông tin tội phạm được báo cho cơ quan có thẩm quyền chưa đủ để xác định có tội phạm mà cần phải gắn với hoạt động phát hiện (chứng minh) tội phạm. Do đó, tội phạm ẩn không chỉ là thông tin tội phạm không được báo hoặc “đưa đến đúng địa chỉ” của cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự⁸ mà chính xác hơn là tội phạm không bị phát hiện. Mặt khác, quan điểm này không đề cập đến trường hợp tội phạm đã được báo cho cảnh sát nhưng không bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự.

³ Dương Tuyết Miên (2010), tldd chú thích 2, tr. 82.

⁴ Frank Schmalleger (2002), *Criminology Today*, The University of North Carolina at Pembroke, Prentice Hall Publisher, tr. 38

⁵ Timothy Mason (2006), *Bài giảng “Official statistics & the dark figure”*, Paris University. Link: <http://www.deviance-2-official-statistics-&-the-dark-figure.htm>

⁶ Timothy Mason (2006), tldd chú thích 5.

⁷ Nguyễn Như Ý (1998), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa thông tin, tr. 1769.

⁸ Phạm Văn Tinh (2004), *Đặc điểm tội phạm học của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học, tr. 40.

Quan điểm thứ hai, “*Tội phạm ẩn là số lượng lớn tội phạm không được tường thuật với cảnh sát và không có trong thống kê hình sự chính thức*”⁹. Quan điểm này đưa thêm dấu hiệu “không có trong thống kê hình sự chính thức” để xác định tội phạm ẩn. Nếu tội phạm chưa được báo (tường thuật) cho cảnh sát thì đương nhiên sẽ không được thống kê. Như vậy, trước hết chỉ cần dấu hiệu tội phạm “không được báo cho cảnh sát” thì sẽ đồng thời thỏa mãn dấu hiệu “không được thống kê”. Giả sử có trường hợp tội phạm được báo cho cảnh sát nhưng vì lý do nào đó không được thống kê thì vẫn được coi là tội phạm ẩn, vì tội phạm tuy được báo cho cảnh sát nhưng không được nhận diện qua con số thống kê. Quan điểm thứ hai về quan niệm tội phạm ẩn rộng hơn quan điểm thứ nhất, bao gồm hai trường hợp: Tội phạm không được báo cho cảnh sát và tội phạm mặc dù đã được báo cho cảnh sát nhưng không được thống kê. Quan điểm này cũng có cách diễn đạt tương tự: “Tội phạm ẩn là thuật ngữ được đưa ra bởi các nhà tội phạm học và xã hội học mô tả số lượng tội phạm không được tường thuật hoặc không bị phát hiện và nó trả lời cho câu hỏi về độ tin cậy của thống kê tội phạm chính thức”¹⁰. Dấu hiệu tội phạm “không bị phát hiện” có nghĩa cơ quan có thẩm quyền không tự mình phát hiện ra tội phạm cũng giống như tội phạm không được trình báo.

Quan điểm thứ ba, “*Tội phạm ẩn là số lượng tội phạm đã thực hiện trên thực tế nhưng không được tường thuật với cơ quan có thẩm quyền hoặc chưa bị phát hiện (một cách chính thức) và do vậy chưa bị đưa ra xét xử, chưa có trong thống kê hình sự chính thức*”¹¹. Quan điểm này mở rộng hơn ở phương diện cơ quan tiếp nhận thông tin tội phạm, không chỉ cơ quan cảnh sát mà là cơ quan có thẩm quyền nói chung. Tuy nhiên cũng cần giải thích thêm cơ quan nào được coi là “có thẩm quyền”. Mặt khác, tội phạm

ẩn không chỉ có dấu hiệu “không được tường thuật” mà hậu quả là chưa bị đưa ra xét xử và không được thống kê. Quan điểm này cũng để lại những băn khoăn và khó giải thích. Ví dụ, tội phạm bị đưa ra xét xử nhưng tuyên vô tội vẫn tồn tại khả năng ẩn của tội phạm, hoặc là tội phạm tuy không bị đưa ra xét xử nhưng được phát hiện và xử lý bằng những quyết định khác của cơ quan tiến hành tố tụng không thể coi là tội phạm ẩn? Nói chung, các dấu hiệu của tội phạm ẩn được liệt kê ở định nghĩa trên là độc lập hay có liên quan với nhau không được xác định rõ ràng.

Quan điểm thứ tư, “*Tội phạm ẩn là khái niệm chỉ một phần trong tổng thể các tội phạm đã xảy ra trong một thời gian và trên một địa bàn nhất định mà chưa được các cơ quan bảo vệ pháp luật (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, các cơ quan khác của công an có chức năng tiếp nhận tin tố giác và phát hiện tội phạm) phát hiện về sự kiện nói chung hoặc chưa nhận biết được sự kiện, hành vi đã phát hiện là tội phạm*”¹². Ưu điểm nổi bật của quan điểm này là liệt kê được những cơ quan nào có trách nhiệm tiếp nhận thông tin tội phạm và phát hiện tội phạm. Tuy nhiên, quan điểm này không đề cập đến dấu hiệu tội phạm “chưa bị xử lý”, do đó vẫn tồn tại hạn chế như quan điểm thứ nhất. Thật ra, tội phạm ẩn không chỉ là tội phạm không bị phát hiện mà còn là tội phạm bị phát hiện nhưng không bị xử lý.

Quan điểm thứ năm, “*Tội phạm ẩn có nghĩa là toàn bộ các số tội phạm cụ thể thực tế đã xảy ra và số lượng người thực hiện các tội phạm đó mà chưa bị phát hiện và xử lý về hình sự vì vậy nó không có trong thống kê hình sự*”¹³. Quan điểm này bổ sung hai dấu hiệu đáng lưu ý so với các quan điểm trên: Một là, “*ẩn người phạm tội*” trong khái niệm tội phạm ẩn; Hai là, chưa bị xử lý về hình sự. Tuy nhiên, cách diễn đạt chưa làm rõ được rằng chỉ cần một trong số dấu hiệu đó thỏa mãn là tội phạm ẩn hay tội phạm ẩn phải có đủ ba dấu hiệu: Tội phạm và người phạm tội chưa bị phát hiện; tội phạm chưa bị xử lý; và tội phạm không có trong thống kê hình sự.

⁹ Frank Schmalleger (2002), *Criminology Today*, The University of North Carolina at Pembroke, Prentice Hall Publisher, tr. 61.

¹⁰ “The dark figure of (or for) crime is a term employed by criminologists and sociologists to describe the amount of unreported or undiscovered crime, which calls into question the reliability of official crime statistics” (http://en.wikipedia.org/wiki/Dark_figure_of_crime)

¹¹ Dương Tuyết Miên (2010), tldđ chú thích 2, tr.84.

¹² Lê Thế Tiêm, Phạm Tự Phà (1994), *Tội phạm ở Việt Nam - Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, Nxb. Công an nhân dân, tr. 13 - 14.

¹³ Lý Văn Quyền (2007), tldđ chú thích 1, tr. 99.

Quan điểm thứ sáu, “*Tình hình tội phạm ẩn là tổng thể các hành vi phạm tội cùng các chủ thể của những hành vi đó thực tế đã thực hiện trong những điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể nhưng chưa bị phát hiện và chưa bị xử lý về hình sự*”¹⁴. Quan điểm này bàn về tình hình tội phạm ẩn, trong đó có đưa ra các dấu hiệu tội phạm ẩn. Điểm khác biệt so với các quan điểm khác là không đề cập đến dấu hiệu “chưa được thống kê” trong khái niệm tội phạm ẩn.

Quan điểm thứ bảy, “*Tội phạm ẩn là tổng hợp các hành vi phạm tội cùng các chủ thể gây ra các hành vi phạm tội ấy, thực tế đã xảy ra nhưng chưa bị các cơ quan bảo vệ pháp luật phát hiện hoặc không bị xử lý hình sự*”¹⁵. Quan điểm này cũng không đưa dấu hiệu “không được thống kê” trong khái niệm tội phạm ẩn. Hay nói cách khác, không coi tội phạm ẩn phải có dấu hiệu tội phạm không được thống kê. Tuy nhiên, điểm khác cơ bản với quan điểm thứ sáu là xem dấu hiệu *tội phạm chưa bị phát hiện* độc lập với dấu hiệu *không bị xử lý về hình sự* bằng từ nối “hoặc” trong khái niệm tội phạm ẩn. Có nghĩa là, nếu tội phạm đã bị phát hiện nhưng chưa bị xử lý cũng được xem là tội phạm ẩn. Ngoài ra, quan điểm này cũng chỉ ra trách nhiệm phát hiện, xử lý tội phạm thuộc các cơ quan bảo vệ pháp luật. Thông thường, cơ quan bảo vệ pháp luật được hiểu là Cơ quan công an, Viện kiểm sát và Tòa án.

Quan điểm thứ tám, tội phạm ẩn là “*toàn bộ các tội phạm thực tế đã xảy ra cùng các chủ thể gây ra các tội phạm đó, song còn bị che đậy đối với các cơ quan chức năng của nhà nước hoặc không được xử lý theo pháp luật hình sự hoặc không có trong thống kê tội phạm của từng thời kỳ*”¹⁶. Điểm khác biệt nổi bật của quan điểm này là xem ba dấu hiệu *không bị phát hiện* (còn bị che đậy), *không bị xử lý*, *không được thống kê* là những dấu hiệu độc lập. Chỉ cần có một trong ba dấu hiệu đó là tội phạm ẩn. Tuy nhiên, quan điểm này cũng không giải thích rõ chưa bị phát

hiện ở mức độ nào, tội phạm không bị phát hiện hay người phạm tội không bị phát hiện, hình thức xử lý theo pháp luật hình sự chưa được áp dụng đối với tội phạm ẩn...

3. Hoàn thiện khái niệm tội phạm ẩn và ý nghĩa của nó trong Tội phạm học Việt Nam

Từ những quan điểm đã nêu trên cho thấy, có nhiều dấu hiệu của tội phạm ẩn được các nhà nghiên cứu đưa ra trong khái niệm tội phạm ẩn, bao gồm: Tội phạm không được báo cáo với cảnh sát hoặc cơ quan có thẩm quyền, tội phạm không bị phát hiện; người phạm tội không bị phát hiện; tội phạm không bị xét xử hay xử lý; tội phạm không được thống kê. Tuy nhiên, các quan điểm khoa học không có sự thống nhất về số lượng các dấu hiệu tội phạm ẩn, chưa thể hiện rõ tính độc lập hay liên quan giữa các dấu hiệu và nhiều dấu hiệu còn chưa rõ về nội dung. Vì vậy, khái niệm tội phạm ẩn còn có sự tranh luận và cần được hoàn thiện. Để có thể đưa ra khái niệm hợp lý hơn về tội phạm ẩn, cần bổ sung hoặc làm rõ thêm một số dấu hiệu của tội phạm ẩn như sau:

- Tội phạm ẩn không chỉ ẩn tội phạm (ẩn hành vi) mà còn ẩn người thực hiện tội phạm (ẩn chủ thể). Tội phạm và chủ thể của tội phạm là hai khái niệm khác nhau nhưng tồn tại thống nhất. Tội phạm phải có dấu hiệu chủ thể và chủ thể của tội phạm phải có dấu hiệu thực hiện hành vi phạm tội. Nếu tội phạm không bị phát hiện thì đương nhiên người phạm tội cũng không bị phát hiện. Tuy nhiên, cũng có trường hợp phát hiện được tội phạm nhưng không phát hiện được ai là người phạm tội. Trường hợp này không thể gọi tội phạm đã rõ. Vì vậy, trong khái niệm tội phạm ẩn phải nêu rõ tội phạm và người phạm tội (chủ thể) bị ẩn.

- Để xác định tội phạm có ẩn hay không cũng cần làm rõ thế nào là *chưa bị phát hiện*? Tính chất, mức độ chưa bị phát hiện. Nghĩa của từ “phát hiện” nói chung là tìm ra, tìm thấy cái chưa ai biết¹⁷. Từ đó suy luận *chưa bị phát hiện* là chưa tìm ra, chưa thấy cái (sự kiện) đã có. Như vậy, theo nghĩa thông thường, phát hiện hay chưa bị phát hiện không cần căn cứ vào việc ai đã phát hiện sự kiện và cách thức nào phát hiện ra sự kiện đó. Thế nhưng trong tổ tụng hình sự, phát hiện tội phạm và người

¹⁴ Trần Hữu Tráng (2000), “Một số vấn đề về tình hình tội phạm ẩn ở Việt Nam”, Tạp chí Luật học (3), tr. 15.

¹⁵ Khiếu Mạnh Hùng (2002), “Tình trạng tội phạm”, Giáo trình Tội phạm học, Học viện Cảnh sát nhân dân, tr. 84.

¹⁶ Phạm Văn Tình (2000), “Nghiên cứu tình hình tội phạm”, Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb. Công an nhân dân, tr. 78.

¹⁷ Nguyễn Như Ý (1998), tldđ chú thích 7, tr. 1321.

phạm tội mà hậu quả của nó dẫn đến áp dụng hoặc không bị áp dụng một chế tài hình sự là quá trình nhận thức đòi hỏi tính hợp pháp và không thể bị bác bỏ. Nhiều tác giả đưa ra dấu hiệu “chưa bị phát hiện” để nói về tội phạm ẩn nhưng không thống nhất “phát hiện” và “chưa phát hiện” ở mức độ nào. Có tác giả lại mở ngoặc đơn ghi chú chưa phát hiện *một cách chính thức*¹⁸, có vẻ hợp lý nhưng tiếc là không giải thích như thế nào là chưa phát hiện một cách chính thức và khác với phát hiện *không chính thức, hay chưa bị phát hiện*. Trường hợp tội phạm đã thực hiện nhưng chưa được bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào phát hiện, điều đó khẳng định tội phạm chưa bị phát hiện - tội phạm ẩn. Tuy nhiên, thực tế có những trường hợp tội phạm đã thực hiện, có người phát hiện, nhưng không phải phát hiện nào cũng là phát hiện chính thức để khẳng định tội phạm đã rõ hay còn ẩn, cụ thể:

+ Tội phạm bị cá nhân, cơ quan, tổ chức phát hiện nhưng không chuyển tin báo hay tố giác tội phạm cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát - những cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự. Hậu quả là tội phạm không bị khởi tố, điều tra, xét xử. Vì thế, tội phạm vẫn chưa chính thức bị phát hiện, hay nói cách khác là tội phạm còn bị ẩn. Tội phạm được coi là chưa bị phát hiện (tội phạm ẩn) trong trường hợp này được nhiều tác giả đồng tình.

+ Tội phạm đã bị phát hiện do có tin báo, tố giác, do người phạm tội tự thú, do cơ quan có thẩm quyền tố tụng trực tiếp phát hiện, đã được thụ lý đúng trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Có nghĩa là thông tin tội phạm đã đến đúng “địa chỉ” tiếp nhận, xử lý theo quy định của BLTTHS. Ở phần khái niệm có viện dẫn quan điểm của các tác giả cho rằng chỉ cần thông tin tội phạm được báo (tường thuật) cho cảnh sát được coi là tội phạm rõ, hay tội phạm đã bị phát hiện. Nếu hiểu như vậy thì trường hợp này tội phạm không còn ở trạng thái chưa bị phát hiện nữa. Thế nhưng, có trường hợp, sau đó vụ án không được khởi tố do bỏ sót, không xử lý tốt tin báo hoặc không có điều kiện xác minh thông tin tội phạm đã được thụ lý. Vì thế, thông tin ban đầu về tội phạm mặc dù đã đến đúng cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ

án nhưng chưa đủ để xác định có tội phạm và người phạm tội và không có cơ sở để giải quyết vụ án. Tội phạm vẫn chưa chính thức bị phát hiện, tội phạm vẫn còn ẩn.

+ Từ những thông tin ban đầu, vụ án được khởi tố, điều tra. Nhiều thông tin (chứng cứ) mới được thu thập bằng những hoạt động điều tra nhưng chưa đủ để chứng minh tội phạm, người phạm tội. Hết hạn điều tra phải tạm đình chỉ hoặc đình chỉ, sau đó không phục hồi điều tra. Kể cả trường hợp vụ án được đưa ra xét xử nhưng không đủ chứng cứ để ra bản án kết tội mặc dù thực tế có tội nhưng không điều tra được, buộc phải tuyên vô tội. Trường hợp này cũng không thể nói tội phạm, người phạm tội đã bị phát hiện. Tội phạm vẫn còn ẩn vì chưa chính thức bị phát hiện.

Có thể khẳng định, tất cả những trường hợp trên đều được xem là tội phạm chưa bị phát hiện chính thức, một trong những dấu hiệu của tội phạm ẩn. Chúng tôi cho rằng tội phạm chỉ được coi là bị phát hiện chính thức khi:

1) Chủ thể phát hiện là cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, có quyền và nghĩa vụ giải quyết vụ án hình sự.

2) Kết quả phát hiện phải được chứng minh với đầy đủ chứng cứ tội phạm và người đã thực hiện tội phạm. Trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử đều có khả năng xác định tội phạm đã bị phát hiện (rõ) thông qua các chứng cứ được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập, chứng minh bằng các hoạt động điều tra như khám nghiệm hiện trường, xem xét vật chứng, lấy lời khai những người tham gia tố tụng... Nếu tội phạm chưa bị phát hiện bởi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng với những chứng cứ rõ ràng thì đó là tội phạm *chưa bị phát hiện chính thức*, là tội phạm ẩn.

- Cần xem “chưa bị xử lý về hình sự” là dấu hiệu độc lập của tội phạm ẩn. Bởi vì tội phạm được phát hiện tất yếu phải có biện pháp xử lý. Vì vậy, tội phạm bị phát hiện mà không bị xử lý thì hậu quả cũng không khác tội phạm chưa bị phát hiện và không có tác dụng phòng ngừa tội phạm. Hay nói cách khác, nó vẫn tồn tại ở trạng thái ẩn. Do đó, nên coi “chưa bị phát hiện” và “chưa bị xử

¹⁸ Dương Tuyết Miên (2010), tldđ chú thích 2, tr. 84.

lý” là hai dấu hiệu độc lập trong khái niệm tội phạm ẩn. Trong khái niệm về tội phạm ẩn cần xác định rõ hơn là tội phạm, người phạm tội “chưa bị xử lý về hình sự”. Tức là chưa bị xử lý bằng bất kỳ quyết định, bản án nào của cơ quan tiến hành tố tụng, để cho tội phạm rơi vào trạng thái ẩn.

- Có nên xem là tội phạm ẩn khi tội phạm bị phát hiện và xử lý nhưng sau đó không được thống kê? Trong lý luận Tội phạm học, có nhiều ý kiến thừa nhận tội phạm ẩn thống kê. Có nghĩa là vì lý do sai sót thống kê hay do quy định thống kê ràng buộc mà có nhiều tội bị bỏ lọt ra khỏi số liệu thống kê chính thức sau khi đã xử lý về hình sự. Chúng tôi đồng tình với quan điểm không coi trường hợp tội phạm bị xử lý nhưng không được thống kê là tội phạm ẩn¹⁹, bởi vì mục tiêu của phòng, chống tội phạm phải hướng đến mọi tội phạm phải được phát hiện, xử lý kịp thời, nhanh chóng, không làm oan, không bỏ lọt và hậu quả tội phạm được ngăn chặn, khắc phục kịp thời. Việc thống kê tội phạm cần phải đầy đủ hay không, không phải là mục tiêu chính của phòng, chống tội phạm, mà đó là vấn đề nhận thức về tình hình tội phạm. Sai sót thống kê tội phạm không cần một sự nỗ lực nào về mặt tố tụng mà đó chỉ là vấn đề kỹ thuật và nghiệp vụ thống kê. Hơn nữa, tội phạm và người phạm tội đã được chứng minh và được giải quyết bằng một bản án, quyết định chính thức của cơ quan tiến hành tố tụng, được tuyên hay công bố công khai thì không thể xem tội phạm còn ẩn mà là tội phạm đã rõ. Mặt khác, việc nhận thức về tình hình tội phạm và xây dựng chương trình, kế hoạch phòng chống tội phạm không chỉ dựa vào mỗi số liệu tội phạm, người phạm tội được thống kê. Do đó, tội phạm đã bị xử lý, mặc dù không có trong thống kê hình sự thì cũng không còn ẩn nữa.

- Các quan điểm nêu trên cũng ít chú ý phân biệt tội phạm ẩn với tình hình tội phạm ẩn (phần ẩn của tội phạm) nên có khi còn dùng lẫn lộn trong khái niệm tội phạm ẩn. Có

tác giả xem “phần ẩn của tình hình tội phạm” và “tội phạm ẩn” đều là những cụm từ cùng nghĩa khác âm²⁰, theo chúng tôi là không hợp lý. Vì vậy, bàn về khái niệm tội phạm ẩn cần chú ý sử dụng các thuật ngữ tiếp cận tội phạm chưa bị phát hiện, xử lý ở mức độ tội phạm ẩn (hành vi) cùng với chủ thể của hành vi đó, chứ không phải ở mức độ tổng thể là phần ẩn (gồm nhiều tội phạm ẩn) trong cấu trúc thực trạng tình hình tội phạm. Mỗi quan hệ giữa “tình hình tội phạm ẩn” hay “phần ẩn của tình hình tội phạm” với “tội phạm ẩn” là mối quan hệ “cái chung” - “cái riêng”.

Từ những vấn đề trên, chúng tôi đưa ra khái niệm tội phạm ẩn được hiểu như sau: *“Tội phạm ẩn là tội phạm đã được thực hiện trên thực tế cùng với chủ thể của nó nhưng chưa bị các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phát hiện chính thức hoặc tuy đã bị phát hiện nhưng không bị xử lý về hình sự”*.

Khái niệm tội phạm ẩn cho thấy có ba dấu hiệu độc lập của tội phạm ẩn:

(1) *Dấu hiệu tội phạm chưa bị phát hiện chính thức*. Dấu hiệu này có hai trường hợp:

- Một là, tội phạm đã được thực hiện nhưng cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoàn toàn không có thông tin về chúng. Ví dụ, tài sản của cơ quan bị tham ô mà cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng không biết.

- Hai là, cơ quan tiến hành tố tụng có thông tin ban đầu về tội phạm do được cung cấp tin báo hoặc tự phát hiện ở hiện trường vụ án... nhưng không thể chứng minh được sự thật có phải là tội phạm hay không vì những trở ngại khách quan hoặc trình độ chuyên môn, kỹ thuật của cơ quan tiến hành tố tụng còn hạn chế... Vì thế, mặc dù đã có thông tin về tội phạm nhưng không đủ cơ sở để khẳng định tội phạm đã bị phát hiện. Ví dụ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phát hiện có xác chết đã bị phân hủy được nghi là nạn nhân bị giết nhưng không có khả năng chứng minh nạn nhân bị giết hay chết vì bệnh tật, té ngã.

(2) *Dấu hiệu người phạm tội chưa bị phát hiện chính thức*. Có hai trường hợp:

¹⁹ Trần Hữu Tráng (2000), “Một số vấn đề về tình hình tội phạm ẩn ở Việt Nam”, Tạp chí Luật học, (3), tr.15; Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb. Công an nhân dân, tr. 94; Dương Tuyết Miên (2010), “*Tình hình tội phạm*”, Giáo trình tội phạm học, Nxb. Giáo dục Việt Nam, tr. 85.

²⁰ Phạm Văn Tình (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, tr. 67.

- Một là, do không phát hiện được tội phạm nên cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cũng không phát hiện được người phạm tội. Như vậy, dấu hiệu tội phạm chưa bị phát hiện đã bao hàm dấu hiệu người phạm tội chưa bị phát hiện.

- Hai là, có những hành vi phạm tội thực tế đã được thực hiện, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cũng đã phát hiện (chứng minh) tội phạm nhưng lại không hoặc chưa phát hiện người phạm tội.

(3) *Tội phạm và người phạm tội chưa bị xử lý về hình sự mặc dù đã bị phát hiện chính thức:*

Nếu tội phạm và người phạm tội không bị phát hiện, chắc chắn không bị xử lý về hình sự, vì vậy tồn tại tội phạm ẩn.

Nếu tội phạm, người phạm tội đã bị phát hiện (có căn cứ) nhưng không bị xử lý thì vẫn coi là tội phạm ẩn. Việc tội phạm và người phạm tội không bị xử lý về hình sự không chỉ là “chưa bị đưa ra xét xử” như quan niệm của một số tác giả²¹.

Như vậy, với ba dấu hiệu trên, tính chất tội phạm, người phạm tội chưa bị phát hiện và chưa bị xử lý tội phạm của tội phạm ẩn được nhận thức rõ hơn trong khái niệm tội phạm ẩn.

Nhìn chung, đối với Tội phạm học ở Việt Nam, có nhiều công trình nghiên cứu về tội phạm ẩn nhưng vẫn còn một số hạn chế như sau:

Thứ nhất, chưa có sự thống nhất trong khái niệm và các dấu hiệu của tội phạm ẩn.

Thứ hai, nội dung nghiên cứu chưa có tính toàn diện, bao quát về những vấn đề lý luận của khái niệm “tội phạm ẩn”.

Thứ ba, các tài liệu nghiên cứu về tội phạm ẩn chưa nêu hết ý nghĩa đối với nhận thức khái niệm tội phạm ẩn và những đặc điểm của tội phạm ẩn.

Do đó, trong Tội phạm học Việt Nam, về mặt lý luận còn có sự thiếu thống nhất trong quan niệm tội phạm ẩn và chưa được nghiên cứu toàn diện và có hệ thống về tội phạm ẩn, vì thế chưa thể đóng vai trò là nền tảng lý luận cho quá trình nhận thức và đấu tranh với tội phạm ẩn. Thực tiễn phòng chống tội phạm có khi còn ngộ nhận về tội phạm ẩn và xem nhẹ

việc phòng chống tội phạm ẩn làm cho tình hình tội phạm trở nên nghiêm trọng hơn.

Chính từ những hạn chế như trên, tác giả hy vọng kết quả nghiên cứu khái niệm tội phạm ẩn trong bài viết góp một phần vào hệ thống lý luận về tội phạm ẩn ở Việt Nam. Đồng thời, với cách hiểu một cách toàn diện về khái niệm tội phạm ẩn giúp xác định những vấn đề liên quan đến tội phạm ẩn, từ đó có thể định hướng cho thực tiễn phòng, chống tội phạm nhằm hạn chế, khắc phục thực trạng ẩn của tội phạm và nâng cao hiệu quả phòng chống tội phạm nói chung./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Tuyết Miên (2010), “*Tình hình tội phạm*”, *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
2. Khiếu Mạnh Hùng (2002), “*Tình trạng tội phạm*”, *Giáo trình Tội phạm học*, Học viện Cảnh sát nhân dân.
3. Lý Văn Quyền (2007), “*Tình hình tội phạm*”, *Giáo trình tội phạm học*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân.
4. Lê Thế Tiêm, Phạm Tự Phả (1994), *Tội phạm ở Việt Nam - Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, Nxb. Công an nhân dân.
5. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb. Công an nhân dân.
6. Nguyễn Như Ý (1998), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa thông tin.
7. Phạm Văn Tinh (2000), “*Nghiên cứu tình hình tội phạm*”, *Tội phạm học Việt Nam*, một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb. Công an nhân dân.
8. Phạm Văn Tinh (2004), *Đặc điểm tội phạm học của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học.
9. Phạm Văn Tinh (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb. Tư pháp.
10. Trần Hữu Tráng (2000), “*Một số vấn đề về tình hình tội phạm ẩn ở Việt Nam*”, *Tạp chí Luật học* (3).
11. Frank Schmalleger (2002), *Criminology Today*, The University of North Carolina at Pembroke, Prentice Hall Publisher.
12. Timothy Mason (2006), *Bài giảng “Official statistics & the dark figure”*, Paris University.
13. Jock Young (2009), *Bài giảng “Extent of Crime”*, Web: www.malcolmread.co.uk/JockYoung/the_extent_of_crime.pdf
14. <http://www.deviance-2-official-statistics-&-the-dark-figure.htm>
15. http://en.wikipedia.org/wiki/Dark_figure_of_crime

²¹ Dương Tuyết Miên (2010), “*tlđđ chú thích 2*, tr. 841.